TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẤN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẤN YÊN,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hương Thơm
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thuỷ – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 20-6-2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 21-02-2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-5-2024, Quyết định hoãn phiên toà số 16/QĐST-HNGĐ ngày 23-5-2024 và Thông báo mở lại phiên toà số 08/TB-TA ngày 07-6-2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị T, sinh năm 2000. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Bản Chăn, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

2. Bị đơn: Anh Đặng Chung Đ, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-02-2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Chung Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 13-7-2021. Sau khi kết hôn, cuộc sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh Đ không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên sinh sống

từ năm 2023, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau cũng không liên lạc gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Trấn Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Chung Đ.

Về con chung: Chị và anh Đặng Chung Đ có một con chung là Đặng Minh H, sinh ngày 02-01-2022, hiện nay đang ở với chị tại Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Minh H, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Chung Đ nhưng anh Đặng Chung Đ không đến Tòa án. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh Đ và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Đặng Chung Đ có đăng ký hộ khẩu tại Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Lường Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Lương Thị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đặng Chung Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lường Thị T và anh Đặng Chung Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 13-7-2021 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Lường Thị T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh Đ không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến nhau. Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa, không có bản khai, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa chị T, anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị Lường Thị T được ly hôn anh Đặng Chung Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Lường Thị T và anh Đặng Chung Đ có một con chung là Đặng Minh H, sinh ngày 02-01-2022. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H. Xét thấy, hiện nay cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi lại đang ở với chị T tại Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, hơn nữa anh Đặng Chung Đ cũng không có lời khai thể hiện ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao cháu Đặng Minh H cho chị Lường Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lường Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Lường Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Lường Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị T được ly hôn anh Đặng Chung Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Minh H, sinh ngày 02-01-2022 cho chị Lường Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, anh Đặng Chung Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lường Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001444 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 21-02-2024. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- UBND xã Hưng Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Duy